

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày 19 - 9 - 2022
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Ông Nguyễn Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1965 (*có mặt*).

Địa chỉ: TDP B, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Tấn K, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Thanh P, xã Hòa S, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích N, trình bày:

Vào ngày 21/5/2019 tôi có cho ông Trần Tấn K vay số tiền 130.000.000 đồng.

Khi vay hai bên viết giấy mượn tiền và có ông K ký nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nợ, thời hạn trả nợ là ngày là 30/5/2019.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù tôi cũng đã tạo điều kiện nhưng ông K vẫn cố tình không trả. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Tấn K trả toàn bộ số tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất do ông K đã vi phạm thời hạn trả nợ nên tôi yêu cầu tính 1,5%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 30/5/2019 đến ngày 25/10/2021 là 28 tháng 20 ngày với số tiền 55.900.000 đồng.

Bị đơn và người liên quan: ông Trần Tấn K không có mặt tại nơi cư trú nên không thể làm việc được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Ông Trần Tấn K hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh P, xã Hòa S, huyện Krông B. Tuy nhiên, ông Trần Tấn K hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi khỏi địa phương, ông K không có thông báo cho chính quyền địa phương nên hiện nay ông K đang sinh sống ở đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết.

Ngày 14/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 02/2022/QĐ-TA để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm ông Trần Tấn K trong thời hạn 01 tháng. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (theo các số báo 43, 44, 45 vào các ngày 21, 22, 23/02/2022 của Báo Tuổi Trẻ). Thông báo tìm kiếm trên Đài tiếng nói Việt Nam VOV 03 lần vào các ngày 03, 04, 05/3/2022. Đến nay đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định tại khoản 2 Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức gì về ông Trần Tấn K.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông K đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ngày 20/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã có quyết định trưng cầu giám định Chữ ký và chữ viết “Trần Tấn K” của ông Trần Tấn K trong tài liệu giám định và tài liệu mẫu so sánh có phải là chữ ký và chữ viết “Trần Tấn K” của cùng một người ký và viết ra hay không?

Tại bản giám định số 82/KL-KTHS ngày 27/5/2022 của phòng kỹ thuật hình

sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Tấn K” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Tấn K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một ký và viết ra.

Tại phiên tòa hôm nay:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc ông Trần Tấn K phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, về lãi suất hai bên có thỏa thuận bằng miệng nhưng không ghi vào giấy vay tiền, tôi tính lãi suất phát sinh tính từ ngày 30/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19/9/2022 là 39 tháng 20 ngày, lãi suất tính 10%/năm với số tiền 42.972.321 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Tấn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Tấn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn cố tình vắng mặt không hợp tác làm việc.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định ông Trần Tấn K có ký giấy vay của bà N số tiền 130.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Tấn K phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 172.972.321 đồng.

Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Trần Tấn K phải lãi 0,5%/tháng trả nợ, do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Ông Trần Tấn K phải chịu tiền án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nguyễn Thị Bích N với ông Trần Tấn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Các văn bản tố tụng và quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 21/5/2019 bà Nga có cho ông Trần Tấn K vay số tiền 130.000.000 đồng. Khi vay hai bên viết giấy mượn tiền và có ông K ký nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nợ, thời hạn trả nợ là ngày là 30/5/2019.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù bà N cũng đã tạo điều kiện nhưng ông K vẫn cố tình không trả. Nay bà N đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Tấn K trả toàn bộ số tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất do ông K đã vi phạm thời hạn trả nợ nên bà N yêu cầu tính 10%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 30/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42.972.321 đồng.

Khi vay các bên đều lập giấy viết tay, có ông K ký nhận, do cho vay thời hạn

ngắn là 10 ngày nên các bên không thỏa thuận lãi suất. Do tất cả các khoản nợ đều đã quá hạn từ lâu, bà N đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng ông K trốn tránh không chịu trả tiền. Do các khoản vay đều đã quá hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu ông K phải trả lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày tiếp theo của ngày quá hạn trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Trần Tấn K bỏ đi khỏi nơi cư trú, khi đi không thông báo với chính quyền địa phương, đi đâu không ai biết địa chỉ. Hiện nay ông K vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn Thanh P, xã Hòa S, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk, theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, ông K là người vay khi thay đổi nơi cư trú phải có nghĩa vụ thông báo cho người cho vay địa chỉ nơi cư trú mới của mình nhưng ông K không thực hiện, cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú mới. Trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với tờ giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết của ông Trần Tấn K, đã được Tòa án trưng cầu giám định tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk cùng với mẫu chữ ký và chữ viết của ông K khi ký kết hợp đồng tín dụng và giấy ủy quyền được chứng thực và lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Hòa S. Kết quả các chữ ký chữ viết tại giấy vay tiền và chữ ký chữ viết được thu thập để làm mẫu giám định đều do một người là Trần Tấn K viết và ký ra.

Khai vay có viết giấy vay tiền và được Cơ quan kỹ thuật hình sự giám định do ông Trần Tấn K ký và viết ra nên việc vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện làm hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc ông Trần Tấn K phải có trách nhiệm trả cho bà N khoản nợ gốc 130.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: trong giấy vay nợ không có ghi tiền lãi, bà N cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay và các khoản vay đều đã quá hạn nên bà N yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc ông K phải trả. Các khoản vay tính lãi từ ngày quá hạn đến hết ngày 19/9/2022 là 42.972.321 đồng Tính từ ngày 30/5/2019 đến ngày 16/9/2022 là 39 tháng 20 ngày: $10\% : 12 \text{ tháng} \times 130.000.000 \text{ đồng} \times 39 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 42.972.321 \text{ đồng}$).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Tấn K phải trả lãi suất 0,5%/tháng, do nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

[4] Về chi phí giám định chữ ký và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: ông Trần Tấn K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 6.480.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký và tiền đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú mà bà Nguyễn Thị Bích N nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là (172.972.321đ x 5%) 8.648.616 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Tấn K phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích N tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 là 172.972.000 đồng (*Một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Trong đó nợ gốc: 130.000.000 đồng; lãi suất tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 42.972.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định chữ ký và thông báo tìm kiếm người người vắng mặt

tại nơi cư trú: ông Trần Tấn K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 6.480.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký và tiền đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú mà bà Nguyễn Thị Bích N nộp tạm ứng (đã chi phí xong).

3. Về án phí: Buộc ông Trần Tấn K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 8.649.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 4.647.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0004941 ngày 11/11/2021 (Trần Duy P nộp tiền).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi